TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH HƯNG** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20-6-2022
Về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Sự

Bà Lê Thị Linh Phượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Y1, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp R, xã T, huyện V, tỉnh Long An (chỗ ở hiện nay: Ấp Ng, xã Th, huyện V, tỉnh Long An).

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn Đ1, sinh năm 1977. Địa chỉ: Ấp R, xã T, huyện V, tỉnh Long An.

Bà Y1 có mặt, ông Đ1 vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn ngày 09 tháng 02 năm 2022 nguyên đơn trình bày và thể hiện trong các tài liệu chứng cứ đã giao nộp cho Tòa án như sau:

Yêu cầu của bà Y1: Xin được ly hôn với ông Đ1, yêu cầu nuôi con chung tên Trần Thị Thanh Th1, sinh ngày 24/3/2007, không yêu cầu ông Đ1 cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nội dung vụ án và lý do yêu cầu được bà Y1 trình bày như sau: Bà và ông Đ1 do gia đình hai bên sắp xếp tổ chức lễ cưới vào năm 2000; Vợ chồng bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện V, tỉnh Long An ngày 19/6/2008. Sau khi cưới, hai vợ chồng sinh sống tại ấp Cả R, xã T, huyện V, tỉnh Long An. Vợ chồng sống chung được hơn 20 năm nhưng quá trình chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến. Đến đầu năm 2018, mâu thuẫn trầm trọng từ việc ông Đ1 muốn về quê ở Cà Mau sinh sống, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng đã tìm mọi cách hàn gắn nhưng không có kết quả và không còn sống chung cho đến nay nên bà xin được ly hôn. Bà và ông Đ1 có hai con chung tên Trần Minh S1, sinh ngày 18/12/2002 (hiện nay đã trưởng thành và đi làm có thu nhập) và Trần Thị Thanh Th1, sinh ngày 24/3/2007 (đang sống chung với bà). Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có.

- Bị đơn ông Đ1 trình bày: Ông Đ1 được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên không ghi nhận Đ1 lời trình bày.

- Về ý kiến của Viện kiểm sát:

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự thì nguyên đơn chấp hành đúng, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định như vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án.

Nội dung vụ án: Bà Y1 và ông Đ1 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp được giải quyết theo Luật hôn nhân và gia đình; Quá trình giải quyết vụ án, ông Đ1 cố tình vắng mặt tại các lần Tòa án triệu tập và tại các phiên tòa, ông Đ1 cũng không có ý kiến muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng; Mặt khác, vợ chồng bà Y1 đã không sống chung từ cuối năm 2021 đến nay nên cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không có hạnh phúc, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ; Con chung cháu Trần Thị Thanh Th1, sinh ngày 24/3/2007 đã trên 07 tuổi có nguyện vọng muốn ở với bà Y1, bà Y1 có yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông Đ1 cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Tự thỏa thuận; về nợ chung bà Y1 xác định không có. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 19, 51, 56, 81, 84 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Y1: Bà Y1 được ly hôn với ông Đ1 giao con chung Trần Thị Thanh Th1 cho bà Y1 nuôi dưỡng và chăm sóc. Đối với tài sản chung thì bà Y1 trình bày tự thỏa thuận; Về cấp dưỡng nuôi con chung và chia nợ chung không có yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bà Y1 yêu cầu ly hôn với ông Đ1, ông Đ1 có nơi cư trú tại xã T, huyện V, tỉnh Long An nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng: Ông Đ1 được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt ông Đ1 là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của bà Y1 và ông Đ1 được hình thành trên cở sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện V vào ngày 19/6/2008 theo quy định pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp, được giải quyết theo Luật Hôn nhân và gia đình;

Bà Y1 xác định vợ chồng đã nhiều lần bàn bạc để hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không có kết quả nên nay giữ nguyên yêu cầu được ly hôn; Ông Đ1 nhiều lần được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để làm việc là thể hiện việc bỏ mặc tình trạng hôn nhân của mình, để cho bà Y1 tự định đoạt; đồng thời ông Đ1 cũng không có ý kiến hoặc đưa ra giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Biên bản xác minh tại địa phương ngày 15/4/2022 cũng thể hiện bà Y1 và ông Đ1 có mâu thuẫn về vấn đề kinh tế của gia đình dẫn đến ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân của bà Y1 và ông Đ1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt đươc nên việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Y1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Con chung Trần Thị Thanh Th1 đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được ở với bà Y1; Đồng thời, theo biên bản xác minh ngày 15/4/2022 tại ấp R, xã T thì con chung đang ở cùng bà Y1, bà Y1 có việc làm, có thu nhập ổn định đảm bảo đủ điều kiện chăm lo cho con chung phát triển về mọi mặt, ông Đ1 không có ý kiến về việc tranh chấp nuôi con. Vì vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Y1, giao con chung cho bà Y1 trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật tại các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Bà Y1 không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Đối với con chung Trần Minh S1, sinh ngày 18/12/2002 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5] Về chia tài sản chung và chia nợ chung: Bà Y1 trình bày không có nợ chung còn tài sản chung thì tự thỏa thuận; ông Đ1 cũng không có yêu cầu vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập đến, trường hợp sau này giữa các đương sự có tranh chấp thì sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ án khác.

Từ các nhận định trên, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu về ly hôn, tranh chấp nuôi con của bà Y1.

[6] Về án phí: Do bà Y1 không thuộc trường hợp được miễn án phí nên bà Y1 phải chịu án phí hôn nhân gia đình không giá ngạch là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Y1 về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi con với ông Trần Văn Đ1.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Y1 được ly hôn với ông Trần Văn Đ1.

Về nuôi con chung: Giao con chung tên Trần Thị Thanh Th1 (Giới tính: Nữ), sinh ngày 24/3/2007 cho bà Nguyễn Thị Y1 trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Bà Nguyễn Thị Y1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích của con chung hoặc cá nhân, tổ chức theo luật định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Y1 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Chuyển 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Y1 đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003612 ngày 17 tháng 02 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng sang tiền án phí.

Báo cho bà Nguyễn Thị Y1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Văn Đ1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án Đ1 niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND,VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- Chi cục THADS/H Vĩnh Hưng;
- UBND xã Th;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuân Liễu